

Bản án số 06/2018/KDTM-PT

Ngày 27 - 7 - 2018

“V/v Tranh chấp Hợp đồng
tín dụng, thế chấp”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần

Ông Nguyễn Hữu Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 14/2017/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng, thế chấp”. Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/KDTM-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2018/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Địa chỉ: Số 72, Đường T, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Mạnh D - Chuyên viên xử lý nợ.
Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Ngô Hồng Th, sinh năm 1971.

Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khối P, phường VT, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ông Th có mặt tại phiên tòa, bà T vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Ngô Hồng Th: Bà Nguyễn Thị Tr, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà T: Bà Nguyễn Thị H - Văn phòng Luật sư T sự, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An; theo Hợp đồng ủy quyền số 51/2018/HĐUQ ngày 13 tháng 7 năm 2018. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963.

+ Bà Võ Thị Bích H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khối 13, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ông Th có mặt tại phiên tòa, bà Hường vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1960.

+ Bà Đào Thị Bích H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khối A, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Ông Tr và bà H đều vắng mặt.

+ Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khối 12, Phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Bà T có mặt tại phiên tòa.

* Người kháng cáo: Bị đơn Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn T.

* Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/KDTM-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An thì vụ án có nội dung như sau:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo của người đại diện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì vụ án có nội dung như sau:

Ngày 30 tháng 7 năm 2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số HM 112669-05 với Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T vay số tiền 1.450.000.000 đồng. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2011 đến ngày 30 tháng 01 năm 2012; phương thức vay: Lãi suất 24%/năm, mức lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/1 lần, điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, cộng biên độ 11%. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, phạt chậm trả 0,05%/ ngày tính trên số tiền lãi chậm

trả; Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh hàng tạp hóa; Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại xóm Y, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An với diện tích đất 128 m² tại thửa số 379, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE126768 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28 tháng 4 năm 2011 mang tên Bà Đào Thị Bích H và quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Khối 8, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An với diện tích đất 119,4 m² tại thửa số 194, tờ bản đồ số 24 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE125116 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 10 tháng 6 năm 2011 mang tên Ông Nguyễn Văn T. Ngày 30 tháng 7 năm 2011, Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nhận nợ theo Khế ước nhận nợ số HM 112669- 05, số tiền 1.450.000.000 đồng; lãi suất 24%/1 năm. Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng 01 lần, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2011 đến 30 tháng 01 năm 2012, thời hạn nộp lãi suất vào ngày 25 hàng tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 29 tháng 01 năm 2012 thì ông Th, bà T đã thanh toán được 84.668.533 đồng tiền lãi suất, sau đó thì không thanh toán được số tiền nào nữa nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán số tiền nợ cụ thể:

- Dư nợ của hợp đồng đến ngày 12 tháng 4 năm 2017 là 5.048.914.758 đồng.

- Trong đó: Dư nợ gốc: 1.450 000.000 đồng;

Lãi suất quá hạn: 2.331.985.648 đồng;

Lãi phạt: 1.266.929.110 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu lãi phạt chậm trả số tiền 1.266.908.993 đồng để hỗ trợ khách hàng trong việc thanh toán nợ vay. Nếu ông Th, bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì yêu cầu xử lý hai tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay để trả nợ cho Ngân hàng. Nếu không được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Ngô Hồng Th trình bày: Gia đình ông và gia đình bà N, ông T là hàng xóm láng giềng với nhau. Do gia đình ông có giấy phép kinh doanh nên vào năm 2011, bà Ngọc, ông T có đến nhờ ký hợp đồng vay tín dụng để hưởng lãi suất thấp, vợ chồng ông đồng ý. Sau đó có cán bộ Ngân hàng đưa một số giấy tờ đến nhà nhờ ký nên ông Th, bà T ký vào một số giấy tờ nên ông bà đã ký. Sau đó không thấy Ngân hàng báo lên để nhận tiền nên không biết đến khoản vay này. Đến tháng 10 tháng 2014 thì được Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Nghệ An mời lên làm việc ông mới biết có khoản vay này. Qua đối chiếu hợp đồng tín dụng thì thấy tại hợp đồng tín dụng ngày 30 tháng 7 năm 2011 và khế ước nhận nợ thì các chữ ký bên vay đúng chữ ký của vợ chồng ông bà nhưng thực chất ông bà không lần nào đến Ngân hàng để nhận

tiền. Những người có tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay ông bà cũng không quen biết. Từ khi ký vay nợ đến khi Tòa án báo lên làm việc Ngân hàng cũng chưa lần nào đến gia đình để yêu cầu thanh toán khoản nợ này nên vợ chồng ông bà không biết có khoản vay này. Ngoài ra, theo anh được biết thì thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự là 02 năm, nhưng từ khi vay đến khi Ngân hàng khởi kiện thì vụ án đã hơn 3 năm nên vụ án này đã hết thời hiệu khởi kiện, vì vậy Ngân hàng không được quyền khởi kiện nữa. Nay, Ngân hàng khởi kiện như vậy, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông bà.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà Nguyễn Thị Thanh T tuy vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án bà T cũng thống nhất trình bày nội dung như ông Th trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông bà.

Theo ông Nguyễn Văn T trình bày: Vợ chồng ông có quan hệ quen biết đã lâu với bà Lê Thị M; trú tại Khối 4, Phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vào tháng 7 tháng 2011, chị L có mượn vợ chồng ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp Ngân hàng vay vốn kinh doanh nên vợ chồng ông đã đồng ý ký thế chấp cho chị L vay vốn. Đến khi nghe nói chị L kinh doanh vỡ lỗ tới đến đòi lại giấy tờ thì nói giấy đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Sau đó ông đã làm đơn khiếu nại đến Ngân hàng thì mới biết vợ chồng đã thế chấp tài sản cho anh Th, chị T vay vốn và người nhận tiền là chị Nguyễn Thị T trú tại khối 12, Phường H, thành phố V. Thực chất vợ chồng ông, vợ chồng ông Thắng, bà T và Bà T không hề quen biết nhau. Sau khi biết sự việc như vậy nên ông đã làm đơn khiếu nại đến các cơ quan Công an điều tra, Viện kiểm sát nhưng chưa được giải quyết. Hơn nữa quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì xem lại đối với tài sản thế chấp thì trên thửa đất có 01 ngôi nhà cấp 4 trên đất là ngôi nhà của bố mẹ ông. Khi bố mẹ ông làm thủ tục tặng cho thì chỉ cho đất chứ không cho nhà, gia đình cũng đã họp có biên bản không cho mua, bán thế chấp đối với tài sản này. Nay, Ngân hàng khởi kiện như vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà Đào Thị Bích H tuy vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày: Do có quen biết với chị Nguyễn Thị T; Trú tại Khối 12, Phường H, thành phố V nên đã nhờ chị T mua hộ một mảnh đất tại xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi mua xong chị T đã làm hộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì chị T có nhờ ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thời gian 01 tháng. Khi đó bà đồng ý cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vợ chồng ông bà đã ký thế chấp tài sản cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Sau khi ký một thời gian bà đã yêu cầu Bà T trả lại nhiều lần,

nhưng Bà T cứ khất không trả. Nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện như vậy thì bà không được nhận một khoản tiền nào từ Bà T nên bà không nhất trí trả. Đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng ông bà.

Theo bà Nguyễn Thị T trình bày: Do có quan hệ thân quen với chị N và anh tâm ở đường L, thành phố V nên chị đã nhờ bà N vay vốn làm ăn. Sau khi nhờ bà N, ông T thì bà N, ông T đã nhờ ông Th, bà T trú tại Khối P, phường VT, thành phố V ký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 1.450.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại xóm Y, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An với diện tích đất 128 m² tại thửa số 379, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 126768 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28 tháng 4 năm 2011 mang tên Bà Đào Thị Bích H do Bà T mượn bà Hòa để thế chấp và quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Khối 13, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An với diện tích đất 119,4 m² tại thửa số 194, tờ bản đồ số 24 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 125116 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 10 tháng 6 năm 2011 mang tên Ông Nguyễn Văn T do bà Nguyễn Thị Minh L mượn thế chấp đảm bảo khoản vay. Khi ký các hợp đồng tín dụng, thế chấp thì các bên đều tự nguyện ký. Sau khi Ngân hàng giải ngân thì Ông Th và bà T ký khế ước nhận nợ và bà đến Ngân hàng nhận tiền. Quá trình vay có trả được mấy tháng tiền lãi suất, sau đó do làm ăn thua lỗ nên không có để trả nợ nữa. Nay Ngân hàng khởi kiện như vậy thì Bà T đề nghị: Nếu Ngân hàng đồng ý thì bà xin nhận trách nhiệm thanh toán khoản nợ này và xin trả dần. Nếu Ngân hàng không đồng ý thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, số tiền nợ của anh Th, chị T thì sau này bà sẽ trả cho ông Th, bà T. Đối với tài sản thế chấp của bà và chị L mượn của chị H, Bà T thì đề nghị Ngân hàng khoan lại để bà có điều kiện trả nợ và xin chuộc tài sản thế chấp về trả cho vợ chồng ông Th, bà H.

Với nội dung trên, Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/KDTM-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 29, 147, 184, 220, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 303, 463, 465, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 319 Luật Thương mại; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2011; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Buộc ông Ngô Hồng Th và bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 2.515.564.106 đồng. Tiền gốc 1.450.000.000 đồng, lãi suất 1.065.504.106 đồng.

Nếu Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T không có khả năng trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay của Ông Nguyễn Quang Tr, bà Đào Thị H và tài sản của Ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị Bích H để thanh toán nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại xóm Y, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An với diện tích đất 128 m² tại thửa số 379, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE126768 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28 tháng 4 năm 2011 mang tên Bà Đào Thị Bích H cho số tiền vay 650.000.000 đồng và lãi suất 477.354.840 đồng.

Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại Khôi 13, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An với diện tích đất 119,4 m² tại thửa số 194, tờ bản đồ số 24 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE125116 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 10 tháng 6 năm 2011 mang tên Ông Nguyễn Văn T cho số tiền vay 800.000.000 đồng và lãi suất 588.158.266 đồng.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với số tiền 2.482.548.026 đồng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần V rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lãi suất do chậm thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án, tự nguyện thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 4 năm 2017, bị đơn Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo đối với Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/KDTM-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An, với lý do: Ngày 30 tháng 7 năm 2011, chị Ngọc và anh Tâm có đến nhờ vợ chồng ông bà ký Hợp đồng vay tín dụng để hưởng lãi suất thấp. Sau đó, có một số Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đưa một số giấy tờ đến nhờ vợ chồng ông bà ký tên mà không giải thích quyền và nghĩa vụ cho vợ chồng ông bà. Vợ chồng tôi ký Hợp đồng vay tín dụng nhưng chưa bao giờ được nhận tiền từ Ngân hàng. Đến tháng 10 năm 2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có mời vợ chồng ông bà lên làm việc, vợ chồng tôi mới biết đến khoản vay này. Đối chiếu Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ thì đúng là chữ ký của vợ chồng ông bà. Tại bản Hợp đồng tín dụng đó, tài sản để thế chấp ông bà cũng không hề hay biết, ông bà cũng không quen những người có tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay. Từ thời điểm ký Hợp đồng tín dụng đến khi Tòa án báo lên làm việc, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chưa có bất kỳ một thông báo hay liên hệ gì để nhắc nhở ông bà trả lãi suất cũng như thanh toán khoản vay nào. Chúng tôi là người dân, sự hiểu biết pháp luật còn hạn chế, luôn tin tưởng vào pháp luật của Nhà nước. Nay ông bà bị khởi kiện và Tòa án

buộc phải trả tiền gốc cũng như lãi suất, ông bà thấy không hợp lý. Hợp đồng tín dụng vay của chúng tôi, ông bà đã ký nhưng Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không tiến hành chi trả số tiền cho ông bà. Bên cho vay yêu cầu ông bà ký hợp đồng nhưng bên cho vay lại không chỉ trả tiền vay cho ông bà. Vậy, có hay không hợp đồng vay tài sản này. Bộ luật Dân sự 2015 đã quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Tòa án nhân dân thành phố V cho rằng ông bà vi phạm hợp đồng do không hoàn trả cho bên vay, vì vậy, ngày 12 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố V tuyên buộc chúng tôi phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 2.515.564.106 đồng. Ông bà cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V tuyên buộc ông bà như vậy là chưa đúng quy định của pháp luật, chưa hợp tình, hợp lý; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/KDTM-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V và hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Ông Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Th đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng tín dụng là vô hiệu do bị lừa dối và tuyên hợp đồng thế chấp cũng vô hiệu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th, bà T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu của Luật sư, tuyên hợp đồng tín và hợp đồng thế chấp vô hiệu.

Ngày 26 tháng 4 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn T kháng cáo đối với Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/KDTM-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An, với lý do: Sau khi mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông, bà L đã âm mưu cùng với Cán bộ Ngân hàng lập hồ sơ và chính bà L đã đưa hồ sơ cho ông ký; Cho đến nay, bà L chối bỏ trách nhiệm, đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm cũng không buộc bà L phải chịu trách nhiệm. Thực tế, ông hạn chế về nhận thức pháp luật, tin tưởng bạn bè nên cho mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không hề lấy bất kỳ một khoản tiền nào. Tài sản thế chấp là của bố mẹ ông tặng cho ông nhưng bố mẹ ông lập văn bản chỉ cho tôi thừa đất số 194, tờ bản đồ số 24 chứ không cho tài sản trên đất là ngôi nhà. Ngôi nhà đó là tài sản của ông bà vẫn sinh sống trong ngôi nhà đó từ xưa đến nay. Việc này hồ sơ đã phản ánh rõ nhưng cấp sơ thẩm lại cho rằng tài sản này trị giá 0 đồng. Việc định giá 0 đồng là nhận định của Ngân hàng, ông không biết việc này mà tại sao 01 ngôi nhà dù to hay nhỏ vẫn còn người sinh sống trong đó mà họ lại cho rằng không giá trị? Và quan trọng hơn là ngôi nhà này là của bố mẹ ông chưa tặng cho ông; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số

04/KDTM-ST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V và hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Ông Th giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngày 11 tháng 5 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định số 786/KN-VKS-P10 kháng nghị Bản án số 04/KDTM ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An theo thủ tục phúc thẩm, với lý do: Sau khi xem xét quá trình giải quyết vụ án và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An nhận thấy bản án có những vi phạm sau: Ngày 30 tháng 7 năm 2011, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số HM 112669-05 với Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T vay số tiền 1.450.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2011 đến ngày 30 tháng 01 năm 2012. Ngày 30 tháng 7 năm 2011, Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nhận nợ theo Khế ước nhận nợ số HM 112669-05 số tiền 1.450.000.000 đồng. Đến ngày 16 tháng 11 năm 2014, Ngân hàng TMCP V mới có đơn khởi kiện tại Tòa án. Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 319 Luật Thương mại thì thời hiệu khởi kiện là hai năm. Bản án sơ thẩm nhận định: Ngân hàng khởi kiện về Hợp đồng tín dụng đã hết thời hiệu là có căn cứ. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 30 tháng 7 năm 2011 đến ngày 29 tháng 01 năm 2014, buộc ông Nguyễn Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán số tiền lãi suất là 1.065.564.106 đồng là không đúng quy định của pháp luật tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do hết thời hiệu khởi kiện theo quy định thì Tòa án chỉ giải quyết việc Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả tiền gốc là 1.450.000.000 đồng. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn áp dụng Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 13, Điều 25 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội là không đúng về căn cứ pháp luật. Như vậy, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An đã vi phạm nghiêm trọng, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung kháng nghị; đề nghị Hội đồng xét xử buộc Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T chỉ chịu trách nhiệm trả nợ đối với khoản nợ gốc 1.450.000.000 đồng và chịu khoản án phí về khoản nợ này. Đối với kháng cáo của Ông Ngô Hồng Th, Bà Nguyễn Thị Thanh T và Ông Nguyễn Văn T, xét thấy nội dung kháng cáo này là không có căn cứ nên không chấp nhận, cần giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh T và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, bà T đã ủy quyền cho người khác tham gia phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã hỏi ý kiến của các đương sự về việc có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không nhưng các đương sự không thỏa thuận được. Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét nội dung vụ án: Ngày 30 tháng 7 năm 2011, Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số HM112669-05 vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - Chi nhánh Nghệ An số tiền 1.450.000.000 đồng, mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh hóa mỹ phẩm, hàng tiêu dùng, bia rượu, thuốc lá, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay được ghi nhận cụ thể trong khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã giải ngân và ông Th, bà T đã nhận nợ số tiền 1.450.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 30 tháng 7 năm 2011, lãi suất cho vay trong hạn là 24%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng thửa đất số 379, tờ bản đồ 15 diện tích 128,0 m² tại xóm Y, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 126768 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp ngày 28 tháng 4 năm 2011, mang tên Bà Đào Thị Bích H và quyền sử dụng thửa đất số 194, tờ bản đồ 24 diện tích 119,40 m² tại Khối 8, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 125116 do Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp ngày 10 tháng 6 năm 2011, mang tên Ông Nguyễn Văn T. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và các quy định của pháp luật, đã buộc Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Nếu Ông Th và bà T không có khả năng trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ cho Ngân hàng. Sau khi xét xử sơ thẩm, Ông Ngô Hồng Th, Bà Nguyễn Thị Thanh T và Ông Nguyễn Văn T kháng cáo toàn bộ bản án, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T:

Theo trình bày của Ông Th và bà T thì vợ chồng ông bà không biết về khoản vay 1.450.000.000 đồng, ông bà được ông N và bà T nhờ ký hợp đồng

vay tín dụng để hưởng lãi suất thấp. Khi ký hợp đồng tín dụng, ông Th, bà T cũng không được Cán bộ Ngân hàng giải thích quyền và nghĩa vụ, ông bà cũng chưa bao giờ được nhận tiền của Ngân hàng và chỉ biết đến khoản vay khi Ngân hàng mời lên làm việc. Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th, bà T thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và chữ ký trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đúng là chữ ký của ông bà. Tại giấy lĩnh tiền ngày 30 tháng 7 năm 2011 cũng thể hiện Ông Th đã nhận tổng số tiền đúng như hợp đồng tín dụng đã ký kết. Theo tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thì ông Th, bà T có kinh doanh hóa mỹ phẩm, công nghệ phẩm, hàng tiêu dùng, bia rượu, thuốc lá, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An. Ngành nghề kinh doanh này là phù hợp với mục đích vay vốn quy định trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với phiếu kiểm tra mục đích sử dụng vốn đã được hai bên lập, ký xác nhận. Như vậy, hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ đã được các bên giao kết tự nguyện; không ai bị lừa dối hay ép buộc; các bên tham gia giao dịch có đủ thẩm quyền và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; nội dung của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên là giao dịch hợp pháp quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các ghi nhận trong các điều khoản của hợp đồng. Ông Th, bà T khai ông bà không vay vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hợp đồng tín dụng vô hiệu do bị lừa dối nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn T:

Ngày 25 tháng 7 năm 2011, Ông Nguyễn Văn T và Bà Võ Thị Bích H ký Hợp đồng thế chấp số 011010180/HĐTC, thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 194, tờ bản đồ 24, diện tích 119,40 m² và một ngôi nhà cấp bốn tại Khối 8, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An có giá trị 1.338.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay 800.000.000 đồng của ông Th, bà T tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Hợp đồng tín dụng phát sinh hiệu lực pháp luật theo quy định pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã được ông T, bà H ký tên vào từng trang; Ký tên, điểm chỉ vào mục Bên thế chấp; ông Nguyễn Viết H - Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, Chi nhánh Nghệ An đã ký tên và đóng dấu Ngân hàng ở mục Bên nhận thế chấp của hợp đồng; Ông Ngô Hồng Th và Nguyễn Thị Thanh T đã ký ở mục Bên vay. Xét thấy, giao dịch thế chấp giữa ông Thái, bà Hương được giao kết đúng quy định pháp luật. Hợp đồng đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Quán Bính, thành phố V, tỉnh Nghệ An và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng

ký Quyền sử dụng đất thành phố V, tỉnh Nghệ An là nơi có bất động sản, đảm bảo hiệu lực và phát sinh quyền, nghĩa vụ pháp lý đối với các bên. Ông Thtrình bày ông không dùng tài sản của mình để thế chấp đảm bảo cho khoản vay của ông Th, bà T mà bị người khác lừa, đồng thời, ông cho rằng việc định giá ngôi nhà trên đất là không đúng. Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng do hợp đồng tín dụng bị vô hiệu nên hợp đồng phát sinh là hợp đồng thế chấp cũng vô hiệu nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An:

Ngày 30 tháng 7 năm 2011, Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nhận nợ số tiền 1.450.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 30 tháng 7 năm 2011, lãi suất cho vay trong hạn là 24%/năm, thời hạn 06 tháng. Ngày 16 tháng 11 năm 2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu ông Th, bà T trả lại số tiền vay theo hợp đồng tín dụng là đã quá thời hạn 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện, đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục chung. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V, buộc ông Th, bà T phải chịu khoản tiền lãi suất từ ngày 30 tháng 7 năm 2011 đến ngày 29 tháng 01 năm 2014 là không chính xác. Ông Th, bà T chỉ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền gốc đã vay, các khoản lãi suất 1.065.504.106 đồng, Tòa án không giải quyết. Xét thấy, nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Đối với nội dung kháng nghị về việc áp dụng pháp luật về án phí, vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý ngày 04 tháng 12 năm 2014 và xét xử ngày 12 tháng 4 năm 2017. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì quyết định về án phí được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13, Điều 25 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 để tính án phí là không chính xác.

[6] Về án phí: Do có sự thay đổi về nghĩa vụ thanh toán nợ của ông Th, bà T nên cần tính lại án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật. Gia đình Ông Th khó khăn về kinh tế, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường VT, thành phố V nên cần giảm 50% án phí sơ thẩm cho ông Th, bà T.

Đối với án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, bị đơn Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ông Ngô Hồng Th, Bà Nguyễn Thị Thanh T và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn T; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ vào các Điều 29, 147, 184, 220, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 299, 303, 463, 465, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 319 Luật Thương mại; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Buộc Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền nợ gốc 1.450.000.000 đồng (Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Nếu Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T không có khả năng trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay của Ông Nguyễn Quang Tr, bà Đào Thị Hòa và tài sản của Ông Nguyễn Văn T, bà Võ Thị Bích H để thanh toán nợ cho Ngân hàng, cụ thể:

- Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại xóm Y, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An với diện tích với diện tích đất 128 m² tại thửa số 379, tờ bản đồ số 15 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 126768 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28 tháng 4 năm 2011 mang tên Bà Đào Thị Bích H cho số tiền vay 650.000.000 đồng.

- Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại Khôi 13, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An với diện tích đất 119,4 m² tại thửa số 194, tờ bản đồ số 24 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 125116 do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 10 tháng 6 năm 2011 mang tên Ông Nguyễn Văn T cho số tiền vay 800.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với số tiền 2.482.548.026 đồng do Ngân hàng Thương mại Cổ phần V rút yêu cầu.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong số tiền nợ gốc trên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, 8 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

+ Buộc ông Ông Ngô Hồng Th và Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 27.750.000 đồng (Hai mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm;

Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 47.500.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008142 ngày 03 tháng 12 năm 2014.

- Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

+ Buộc Ông Ngô Hồng Th phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Nghệ An theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005224 ngày 19 tháng 5 năm 2017 và số 0004890 ngày 17 tháng 8 năm 2017.

+ Buộc Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Nghệ An theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005225 ngày 19 tháng 5 năm 2017 và số 0004891 ngày 17 tháng 8 năm 2017.

+ Buộc Ông Nguyễn Văn T phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án

phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Nghệ An theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005223 ngày 19 tháng 5 năm 2017 và số 0000067 ngày 05 tháng 10 năm 2017.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Hồng Sơn

